

Số: 175/TB-UBND

Ngũ Hùng, ngày 25 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

**Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã của UBND xã
Ngũ Hùng 6 tháng đầu năm 2023**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số: 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;
Luật sửa đổi bổ sung 1 số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền
địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng
dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 03/NQ-HĐND ngày 06/01/2023 của Hội đồng nhân dân xã
Ngũ Hùng về dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách xã năm 2023;

Ủy ban nhân dân xã Ngũ Hùng thông báo về việc công khai số liệu thực hiện dự
toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 gồm:

- Cân đối ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 (Theo biểu số 113/CK TC-NSNN)
- Ước thực hiện thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 (Theo biểu số 114/CK TC-NSNN)
- Ước thực hiện chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 (Theo biểu số 115/CK TC-NSNN)

*** Hình thức và thời gian công khai:**

Niêm yết công khai tại Trụ sở làm việc UBND xã Ngũ Hùng ít nhất trong thời hạn
30 ngày, kể từ ngày niêm yết.

Thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã

Thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội, trưởng các
thôn.

Trên đây là nội dung công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu
năm 2023.

Trong thời gian niêm yết công khai nếu đại biểu, cử tri và nhân dân trên địa bàn có ý
kiến thắc mắc đề nghị phản ánh về UBND xã để kịp thời có phương án giải quyết.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND - UBND xã;
- Trưởng các ngành, đoàn thể;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VP.



Vũ Văn Lùng

Ngũ Hùng, ngày 25 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023

1. Về thu ngân sách xã

Tổng thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2023 thực hiện: 3.600.355.211 đồng, bằng 45,03% dự toán năm. Trong đó:

Một số chỉ tiêu thu đạt tỷ lệ cao: Thu thuế đất phi nông nghiệp đạt 155,36%; thu thuế thu nhập cá nhân đạt 109,62%; thu thuế GTGT, TNDN đạt 104,09%...

Bên cạnh đó, vẫn còn 1 số chỉ tiêu thu tỷ lệ còn đạt thấp so với dự toán như: Thu khác ngân sách đạt 0,03%; thu lệ phí trước bạ nhà đất đạt 15,14%; thu tiền cấp quyền sử dụng đất đạt 3,46%; thu phí, lệ phí đạt 19,90%...

(Số liệu chi tiết theo biểu 114/CK TC-NSNN kèm theo)

2. Về chi ngân sách

Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 thực hiện: 2.515.207.506 đồng, đạt 31,46% so với dự toán giao. Trong đó: Chi thường xuyên: 2.515.207.506 đồng, đạt 43,78% kế hoạch, chi đầu tư XDCB: 0 đồng, đạt 0%

UBND xã đã bám sát dự toán đầu năm được HĐND xã phê duyệt. 6 tháng đầu năm 2023 đã thực hiện tiết kiệm các khoản chi, về cơ bản đã đảm bảo kịp thời nhu cầu chi thường xuyên của các cấp, các ngành theo dự toán và nhiệm vụ đột xuất của địa phương. Công tác quản lý chi ngân sách được tăng cường, đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả./.

(Số liệu chi tiết theo biểu 115/CK TC-NSNN kèm theo)

Trên đây là báo cáo khái quát tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 của UBND xã Ngũ Hùng./.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
VŨ VĂN LŨNG**



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023	SỐ SÁNH (%)
TỔNG SỐ THU	7.994.961.524	3.600.355.211	45,03
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	252.000.000	9.467.400	3,76
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.503.000.000	284.203.287	11,35
III. Thu bổ sung	4.713.257.000	2.779.980.000	58,98
- Bổ sung cân đối	4.633.277.000	2.700.000.000	58,27
- Bổ sung có mục tiêu	79.980.000	79.980.000	100,00
IV/ Thu chuyển nguồn ngân sách	526.704.524	526.704.524	100,00
TỔNG SỐ CHI	7.468.257.000	2.515.207.506	33,68
I. Chi đầu tư phát triển	2.250.000.000	0	0,00
II. Chi thường xuyên	5.079.958.000	2.515.207.506	49,51
III. Dự phòng	138.299.000		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh (%)
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NĂM 2023	7.994.961.524	3.600.355.211	45,03
I	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG 100%	252.000.000	9.467.400	3,76
1	Phí và lệ phí	40.000.000	7.959.000	19,90
2	Thu từ quỹ đất CI & HLCS			
	<i>Thu HLCS từ quỹ đất công ích và đất công</i>	<i>175.000.000</i>	<i>0</i>	<i>-</i>
	<i>Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất</i>		<i>0</i>	
3	Thu từ hoạt động KT và SN			
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	7.000.000	1.500.000	21,43
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
6	Thu khác	30.000.000	8.400	0,03
II	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG THEO TỶ LỆ %	2.503.000.000	284.203.287	11,35
1	Các khoản thu phân chia	181.000.000	131.345.291	72,57
1.1	Thuế đất phi nông nghiệp (100%)	44.000.000	68.358.215	155,36
1.2	Lệ phí môn bài từ cá nhân hộ kinh doanh (100%)	11.000.000	9.900.000	90,00
1.3	Thuế thu nhập cá nhân (xã 80%; TT 50%)	36.000.000	39.464.026	109,62
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất (100%)	90.000.000	13.623.050	15,14
2	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	2.322.000.000	152.857.996	6,58
2.1	<i>Tiền cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>2.250.000.000</i>	<i>77.910.000</i>	<i>3,46</i>
2.2	<i>Thuế GTGT, TNDN</i>	<i>72.000.000</i>	<i>74.947.996</i>	<i>104,09</i>
III	THU CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH	526.704.524	526.704.524	100,00
IV	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH NĂM TRƯỚC			
V	THU BỔ SUNG CHI THƯỜNG XUYÊN	4.713.257.000	2.779.980.000	58,98
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4.494.978.000	2.700.000.000	60,07
2	Thu bổ sung có mục tiêu	79.980.000	79.980.000	100,00
3	Dự phòng ngân sách	138.299.000		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	7.994.961.524	3.250.000.000	5.744.961.524	2.515.207.506	0	2.515.207.506	31,46	0,00	43,78
1	Chi DQ tự vệ, trật tự an toàn XH	544.306.400		544.306.400	340.135.839		340.135.839	62,49		62,49
	<i>Trong đó : Chi Quốc phòng</i>	334.656.400		334.656.400	228.357.339		228.357.339	68,24		68,24
	<i>Chi an ninh</i>	209.650.000		209.650.000	111.778.500		111.778.500	53,32		53,32
2	Chi sự nghiệp giáo dục	2.880.000		2.880.000	1.440.000		1.440.000	50,00		50,00
3	Chi sự nghiệp y tế	21.907.000		21.907.000	0			0,00		0,00
4	Chi sự nghiệp văn hóa, Đài TT	75.511.600	0	75.511.600	44.245.600	0	44.245.600	58,59		58,59
	<i>Chi sự nghiệp văn hóa</i>	30.000.000		30.000.000	24.910.000		24.910.000	83,03		83,03
	<i>Chi sự nghiệp Đài TT</i>	45.511.600		45.511.600	19.335.600		19.335.600	42,48		42,48
5	Chi sự nghiệp TĐTT	10.000.000		10.000.000	9.000.000		9.000.000	90,00		90,00
6	Chi sự nghiệp kinh tế	142.102.000	1.000.000.000	142.102.000	77.310.600	0	77.310.600	54,41		54,41
	<i>Trong đó: Chi sự nghiệp giao thông</i>	28.704.000	1.000.000.000	28.704.000	16.300.000		16.300.000	56,79		56,79
	<i>Chi SN thú y, nông, lâm, TL</i>	113.398.000		113.398.000	61.010.600		61.010.600	53,80		53,80
7	Chi sự nghiệp Môi trường	35.599.000		35.599.000	26.250.000		26.250.000	73,74		73,74
8	Chi sự nghiệp xã hội	570.982.200	0	570.982.200	268.454.600	0	268.454.600	47,02		47,02
	<i>Lương hưu và trợ cấp BHXH</i>	413.982.200		413.982.200	182.034.600		182.034.600	43,97		43,97



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	Chính sách & hoạt động phục vụ người có công với CM	130.000.000		130.000.000	78.400.000		78.400.000	60,31		60,31
	Chính sách & hoạt động phục vụ các DT BTXH và các đối tượng khác	27.000.000		27.000.000	8.020.000		8.020.000	29,70		29,70
9	Chi QL Nhà nước, Đảng & các Đoàn thể	6.367.452.224	2.250.000.000	4.117.452.224	1.721.020.867	0	1.721.020.867	27,03	0,00	41,80
	Chi hoạt động QLNN	4.764.726.824	2.250.000.000	2.514.726.824	1.023.857.461		1.023.857.461	21,49	0,00	40,71
	Chi hoạt động Đảng CSVN	781.383.700		781.383.700	352.361.706		352.361.706	45,09		45,09
	Chi hoạt động MTTQ	285.966.000		285.966.000	101.209.978		101.209.978	35,39		35,39
	Chi hoạt động Đoàn TN	146.402.000		146.402.000	54.395.722		54.395.722	37,16		37,16
	Chi hoạt động Hội PN	139.591.300		139.591.300	72.693.930		72.693.930	52,08		52,08
	Chi hoạt động Hội CCB	86.352.000		86.352.000	26.394.300		26.394.300	30,57		30,57
	Chi hoạt động Hội ND	163.030.400		163.030.400	90.107.770		90.107.770	55,27		55,27
10	Chi khác	85.922.100		85.922.100	27.350.000		27.350.000	31,83		31,83
11	Dự phòng ngân sách xã	138.299.000		138.299.000	0			0,00		0,00

